

5 市役所の主な手続き

※その他は、各担当窓口へお問い合わせください。（柏市役所 代表 TEL 04-7167-1111）

てつづ 手続き	てつづ まどぐち 手続き窓口	ページ
住民登録	市民課【本庁舎 1 階】 TEL 04-7167-1128	P15-24
結婚届、離婚届		
マイナンバー（個人番号）カード		
印鑑登録、印鑑登録証明書		
国民健康保険 後期高齢者医療制度	保険年金課【本庁舎 1 階】 TEL 04-7191-2594	P25-30
国民年金	国民年金室【本庁舎 1 階】 TEL 04-7167-1130	
市民税、県民税	市民税課【本庁舎 2 階】 TEL 04-7167-1124	
固定資産税・都市計画税	資産税課【本庁舎 2 階】 TEL 04-7167-1125	
妊娠届出と母子健康手帳の交付、妊婦・乳幼児 健診の助成制度等（妊婦、乳幼児の保護者）	こども部母子保健課【ウェルネス柏 3 階】 TEL 04-7167-1257	P31-38
児童手当（高校 3 年生までの子ども）	こども福祉課【本庁舎別館 3 階】 TEL 04-7128-9923	
子ども医療費助成制度（高校 3 年生相当の年齢ま での子ども）		
認定こども園・保育園などへの入園	保育運営課【本庁舎別館 3 階】 TEL 04-7167-1137	P39-42
公立小学校・中学校への入学	学校教育課【沼南庁舎 2 階】 TEL 04-7191-7367	
生活保護	生活支援課【本庁舎別館 1 階】 TEL 04-7167-1138	P43-46
介護保険	高齢者支援課 TEL 04-7167-1022	
身体障害者手帳、療育手帳、精神障害者保健福 祉手帳	障害福祉課【本庁舎別館 2 階】 TEL 04-7167-1136	-
特定健康診査 （柏市国民健康保険に加入の 40 歳以上のかた）	健康増進課（国保班）【ウェルネス柏 3 階】 TEL 04-7164-4455	
がん検診（登録が必要です）	健康増進課（成人保健班） 【ウェルネス柏 3 階】 TEL 04-7168-3715	
駐輪場	自転車対策室【分庁舎 1-1 階】 TEL 04-7167-1304	

5 Các thủ tục chính ở Văn phòng thành phố

*Các vấn đề khác vui lòng liên hệ đến quầy tư vấn phụ trách tương ứng. (Tổng đài Văn phòng thành phố Kashiwa
TEL: 04-7167-1111)

Thủ tục	Quầy tư vấn tiếp nhận thủ tục	Trang
Đăng ký cư trú	Ban công tác công dân [Tầng 1 Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1128	P15-24
Tờ khai đăng ký kết hôn, tờ khai ly hôn		
Thẻ My Number (mã số cá nhân)		
Đăng ký con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký con dấu		
Bảo hiểm y tế quốc gia Chế độ y tế dành cho người từ 75 tuổi trở lên	Ban bảo hiểm và lương hưu [Tầng 1 Tòa nhà chính] TEL: 04-7191-2594	P25-30
Trợ cấp quốc gia	Phòng lương hưu quốc gia [Tầng 1 Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1130	
Thuế thị dân và Thuế tỉnh	Ban thuế thị dân [Tầng 2 Tòa nhà chính] TEL 04-7167-1124	
Thuế tài sản cố định, Thuế phát triển quy hoạch thành phố	Ban thuế tài sản [Tầng 2 Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1125	
Cấp Giấy thông báo mang thai và Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em Chế độ hỗ trợ kiểm tra sức khỏe cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh, v.v... (dành cho phụ nữ mang thai, người giám hộ trẻ sơ sinh)	Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em [Tầng 3 Wellness Kashiwa] TEL: 04- 7167-1257	P31-38
Trợ cấp nhi đồng (trẻ em tính đến trung học phổ thông năm 3)	Ban phúc lợi trẻ em [Tầng 3 Tòa nhà phụ bên cạnh Tòa nhà chính] TEL: 04-7128-9923	
Chế độ hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho trẻ em (dành cho trẻ có độ tuổi tương ứng học sinh năm 3 của trường trung học cơ sở)		
Nhập học vào nhà trẻ, trường mẫu giáo, v.v... được thành phố chứng nhận	Ban quản lý chăm sóc trẻ em [Tầng 3 Tòa nhà phụ bên cạnh Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1137	P39-42
Nhập học vào các trường tiểu học, trường trung học cơ sở công lập	Ban Giáo dục và Trường học [Tầng 2 Tòa nhà Shonan] TEL: 04-7191-7367	
Bảo vệ sinh hoạt	Ban hỗ trợ sinh hoạt [Tầng 1 Tòa nhà phụ bên cạnh Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1138	P43-46
Bảo hiểm chăm sóc	Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi TEL 04-7167-1022	
Sổ tay người khuyết tật thể chất, Sổ tay nuôi dưỡng điều trị, Sổ tay chăm sóc sức khỏe và phúc lợi cho người rối loạn tâm thần	Ban phúc lợi dành cho người khuyết tật [Tầng 2 Tòa nhà phụ bên cạnh Tòa nhà chính] TEL: 04-7167-1136	-
Kiểm tra sức khỏe chỉ định (dành cho người từ 40 tuổi trở lên có tham gia bảo hiểm y tế quốc gia của thành phố Kashiwa)	Phòng xúc tiến sức khỏe (bộ phận bảo hiểm y tế quốc gia) [Tầng 3 Wellness Kashiwa] TEL: 04-7164-4455	
Tầm soát ung thư (cần phải đăng ký)	Phòng xúc tiến sức khỏe (Bộ phận khám người trưởng thành) [Tầng 3 Wellness Kashiwa] TEL: 04-7168-3715	
Bãi đậu xe	Ban đối sách xe đạp [Tầng 1 Toà nhà văn phòng chi nhánh1] TEL: 04-7167-1304	

5-1 届出・証明

(1) 住民登録 <お問い合わせ先> 市民課 TEL 04-7167-1128

次のときは市民課窓口で手続きが必要です。ただし、短期間（1年未満）の出入国の場合は手続き不要です。また、以下必要なものの他に、世帯主との続柄が分かる公的な文書（本国の政府など公的機関が発行した出生証明書、婚姻証明書など）を持参していただく場合があります。

こんなとき		きかん 期間	ひつよう 必要なもの
にゅうこく 入国したとき	転入届	日本に来た日から 14日以内	①在留カード（全員分） ②パスポート（全員分） ※入国時に在留カードが交付されなかった場合は、後日交付の押印があります。
かしわし ひ こ 柏市へ引っ越したとき		引っ越した日から 14日以内	①転出証明書（柏市へ引っ越す前に住んでいた市区町村で転出届の手続きをすると交付されます） ②在留カードまたは特別永住者証明書（全員分）※1 ③マイナンバーカード ※マイナンバーカードをお持ちの方は、特例転出を受けることができるため、転出証明書が発行されない場合があります。
こ 子どもが生まれたとき	出生届	生まれた日から 14日以内	①出生証明書(子どもが生まれた病院でもらえます) ②母子健康手帳 ③父母の在留カード※1またはパスポート ④外国人夫婦の場合は婚姻している証明 ※60日を超えて日本に在留する場合は、出生から30日以内に地方出入国在留管理官署で在留資格の取得を申請する必要があります。
かしわし しない 柏市内で ひ こ 引っ越しをしたとき	転居届	引っ越した日から 14日以内	①在留カードまたは特別永住者証明書（全員分）※1 ②マイナンバーカード
かしわし ほか しちょうそん 柏市から他の市町村へ ひ こ 引っ越しをするとき	転出届	引っ越し予定日 から前後14日以内	①在留カードまたは特別永住者証明書※1 ②マイナンバーカード
しゅつこく 出国するとき (1年以上もしくは期間 ねんいじょう ぎかん 未定の出国や、再入国の みでい しゅつこく さいにゅうこく 予定がないとき)		出国予定日の 概ね14日前から	①在留カードまたは特別永住者証明書※1 ②マイナンバーカード ※出国後に転出届をする際には、出国日がわかるものの写しが必要です。 (パスポートの出国した本人と出国日がわかる部分の写しまたは航空券の半券等)

※1 マイナンバーカードと一体化した在留カードまたは永住者証明書である、特定在留カードまたは特別永住者証明書を含みます。これらの場合、マイナンバーカードは一体化されているため、不要です。

5 - 1 Thông báo và Chứng nhận

(1) Đăng ký cư trú <Nơi liên hệ> Ban công tác công dân TEL: 04-7167-1128

Cần thực hiện thủ tục tại quầy tư vấn của Ban công tác công dân trong các trường hợp sau đây. Tuy nhiên, trường hợp xuất nhập cảnh trong thời gian ngắn (dưới 1 năm) thì không cần thực hiện thủ tục. Ngoài ra, bên cạnh các giấy tờ cần thiết được liệt kê dưới đây, bạn cũng nên mang theo các giấy tờ công chứng khác để chứng minh mối quan hệ với chủ hộ (giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn, v.v... do cơ quan chính quyền như chính phủ của nước bạn, v.v... cấp phát).

Các trường hợp		Kỳ hạn	Giấy tờ cần thiết
Khi nhập cảnh Nhật Bản		Trong vòng 14 ngày kể từ ngày đến Nhật	① Thẻ cư trú (tất cả mọi người) ② Passport (tất cả mọi người) ※ Trong trường hợp khi nhập cảnh không được cấp thẻ ngoại kiều thì sẽ được đóng dấu để hôm sau cấp.
Khi chuyển đến thành phố Kashiwa	Đơn xin thông báo chuyển đến	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến	① Giấy chứng nhận chuyển đi (khi thực hiện thủ tục xin cấp giấy thông báo chuyển đi tại chính quyền thành phố, thị trấn, làng xã nơi đã sinh sống trước khi chuyển đến thành phố Kashiwa thì bạn sẽ được cấp giấy chứng nhận chuyển đi), ② Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt (tất cả mọi người)* ¹ , ③ Thẻ My Number ※ Những người có thẻ My number có thể được chấp nhận chuyển địa chỉ nên sẽ có trường hợp không được cấp giấy chứng nhận chuyển đi.
Khi sinh con	Giấy khai sinh	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh con	① Giấy chứng sinh (Nhận tại bệnh viện nơi sinh con), ② Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em, ③ Thẻ ngoại kiều của bố mẹ* hoặc hộ chiếu ④ Nếu vợ chồng đều là người nước ngoài thì cần giấy chứng nhận đã kết hôn *Trường hợp cư trú tại Nhật hơn 60 ngày, cần phải đăng ký xin cấp chứng nhận tư cách cư trú tại Sở quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương trong vòng 30 ngày sau sinh.
Khi chuyển đến nơi khác trong phạm vi thành phố Kashiwa	Giấy thông báo đổi nơi cư trú	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt (tất cả mọi người)* ¹ , ② Thẻ My Number
Khi chuyển từ thành phố Kashiwa đến các thành phố, thị trấn, làng xã khác		Trong vòng 14 ngày trước hoặc sau ngày dự tính chuyển nhà	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt* ¹ , ② Thẻ My Number
Khi xuất cảnh khỏi Nhật Bản (khi rời khỏi nước Nhật từ 1 năm trở lên hoặc trong khoảng thời gian chưa xác định, hay không có ý định tái nhập cảnh Nhật Bản)	Giấy thông báo chuyển đi	Từ khoảng 14 ngày trước ngày xuất cảnh	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt* ¹ , ② Thẻ My Number *Khi nộp giấy chứng nhận chuyển đi sau khi xuất cảnh, cần có bản sao giấy tờ chứng nhận và biết ngày xuất cảnh. (Bản sao phân biệt ngày xuất cảnh của hộ chiếu hoặc nửa phần vé máy bay)

※ 1 Bao gồm cả thẻ ngoại kiều đặc định hoặc giấy chứng nhận thường trú đặc biệt đã được tích hợp với thẻ Mynumber. Trong những trường hợp này, do thẻ Mynumber đã được tích hợp vào thẻ nên không cần xuất trình riêng thẻ Mynumber.

(2) 出入国在留管理庁への出入国手続き

＜お問い合わせ先＞ 東京 出入国在留管理局 TEL 03-5363-3025



出入国関係の各種手続きは、出入国在留管理庁のホームページ(<https://www.moj.go.jp/is/index.html>)をご覧ください。各種の申請に必要な申請書の様式もホームページからダウンロードできます。また、滞在理由・日本での活動内容などによって必要書類が変わることもありますので、各地方出入国在留管理官署または外国人在留総合インフォメーションセンター（TEL 0570-013904/IP、海外:03-5796-7112/平日午前 8 時 30 分～午後 5 時 15 分）にご確認ください。

(3) 結婚するとき

婚姻成立要件は国によって異なりますが、日本で結婚する場合、外国人のかたは次の必要なものを用意して、市民課に婚姻の届出をしてください。また、自国への婚姻の報告については、在日大使館に確認してください。

【必要なもの】

- ①婚姻要件具備証明書(出身国によっては、発行されない場合がありますので、各駐日大使館等にご確認のうえ、市民課にお問い合わせください)
- ②出生証明書
- ③旅券
- ④訳文（①②③の書類は、日本語の訳文を添付してください。なお、末尾に訳者の氏名を記入してください）
- ⑤婚姻届（証人として 2 名の成年のかたの署名が必要です）

【お問い合わせ先】

市民課 TEL 04-7167-1128

または

沼南支所戸籍住民担当 TEL 04-7190-5753、

各出張所、柏駅前行政サービスセンターTEL 04-7144-5050

(2) Thủ tục xuất nhập cảnh gửi đến Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh

<Nơi liên hệ> Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo TEL: 03-5363-3025



Vui lòng xem trên trang web của Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh (<https://www.moj.go.jp/isa/index.html>) để biết thêm thông tin về các loại thủ tục liên quan đến xuất nhập cảnh Nhật Bản. Mẫu đơn đăng ký cần thiết cho các loại đăng ký khác nhau cũng có thể tải trên trang web này. Ngoài ra, các giấy tờ cần thiết có thể thay đổi tùy theo lý do lưu lại Nhật, nội dung hoạt động tại Nhật, vì vậy vui lòng xác nhận với Sở quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú của người nước ngoài (TEL: 0570-013904/IP, liên hệ từ nước ngoài: 03-5796-7112/Ngày thường 8:30am~5:15pm).

(3) Khi kết hôn

Điều kiện đăng ký kết hôn sẽ khác nhau tùy vào mỗi quốc gia, tuy nhiên, nếu kết hôn tại Nhật, đối với người nước ngoài cần chuẩn bị các giấy tờ cần thiết sau đây và vui lòng đến đăng ký kết hôn tại Ban công tác công dân. Ngoài ra, đối với người nước ngoài, vui lòng xác nhận với Đại sứ quán của quốc gia bạn tại Nhật Bản để báo cáo việc kết hôn về đất nước của bạn.

[Các giấy tờ cần thiết]

- ① Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn (tùy thuộc vào việc người vợ/chồng của bạn xuất thân từ quốc gia nào mà có trường hợp không được cấp phát giấy chứng nhận này, vì vậy sau khi xác nhận với các Đại sứ quán, v.v... tại Nhật, vui lòng liên hệ đến Ban công tác công dân)
- ② Giấy chứng sinh
- ③ Hộ chiếu
- ④ Bản dịch (vui lòng đính kèm bản dịch tiếng Nhật các loại giấy tờ ①, ②, ③ bên trên. Ngoài ra, vui lòng điền họ tên người dịch vào cuối bản dịch)
- ⑤ Giấy đăng ký kết hôn (cần có chữ ký và đóng dấu của 2 người thành niên coi như làm chứng)

[Nơi liên hệ]

Ban công tác công dân, TEL: 04-7167-1128

hoặc Chi nhánh Shonan Hộ tịch/ phụ trách cư dân, TEL: 04-7190-5753

Các Văn phòng chi nhánh, Trung tâm dịch vụ hành chính Kashiwa Ekimae, TEL: 04-7144-5050

(4) 離婚するとき

■市民課への届出 <お問い合わせ先>市民課 TEL 04-7167-1128

夫婦のどちらかが日本人で日本に住所を有する場合は、離婚の協議が整えば、次の必要なものを持って市民課で離婚の届け出をすることができます。

【必要なもの】

- ①離婚届（証人として2名の成年のかたの署名が必要です）
- ②日本人夫または日本人妻の住民票(柏市が住所地の場合は不要)
- ③旅券

■出入国在留管理庁への届出

<お問い合わせ先>東京出入国在留管理局 TEL 03-5363-3025

日本人配偶者と離婚した場合には、出入国在留管理庁で手続きが必要な場合がありますので、出入国在留管理庁へお問い合わせください。

※届出の詳細や他の在留資格への変更については、各地方出入国在留管理官署または外国人在留総合インフォメーションセンター（TEL 0570-013904/IP、海外:03-5796-7112/平日午前8時30分～午後5時15分）へお問い合わせください。

(5) マイナンバーカード

<お問い合わせ先>市民課 TEL 04-7167-1128

柏市マイナンバーカードコールセンター TEL 04-7165-0178

マイナンバーカードは、身分証明書として利用できるほか、電子証明書による民間部門を含めた電子申請・取引等における利用ができます。



【交付を受けるには】

希望者は、交付申請書を地方公共団体情報システム機構へ郵送またはオンラインで申請してください。申請後、交付に必要な通知書が届きますので、受け取る際は、柏市マイナンバーカードコールセンター（TEL 04-7165-0178）へ予約のうえ、通知書と本人確認に必要な身分証明書等を持参し、予約した交付場所（市役所等）へお越しください。

※任意代理人、法定代理人による受け取りは、手続き方法が異なるため注意してください。

※電話予約は、受け取り希望日の3営業日前まで可能です。

【手数料】

800円、電子申請等にも使用する場合は1,000円（初めて交付を受けるかたは無料）

※特急発行交付をご希望の場合は1,800円、電子申請等にも使用する場合は2,000円

特急発行の制度について詳しくは市民課までお問い合わせください。

(4) Khi ly hôn

■ Thông báo đến Ban công tác công dân <Nơi liên hệ> Ban công tác công dân TEL: 04-7167-1128

Trường hợp một trong hai vợ chồng là người Nhật và có địa chỉ sinh sống tại Nhật Bản, nếu đã thỏa thuận ly hôn, cần mang theo các giấy tờ cần thiết sau và đến thông báo ly hôn tại Ban công tác công dân.

[Các giấy tờ cần thiết]

- ① Giấy ly hôn (cần có chữ ký và đóng dấu của 2 người thành niên coi như làm chứng)
- ② Giấy chứng nhận cư trú của chồng là người Nhật hoặc vợ là người Nhật (nếu nơi đăng ký cư trú là thành phố Kashiwa thì không cần chuẩn bị)
- ③ Hộ chiếu

■ Thông báo cho Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh <Nơi liên hệ> Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo, TEL: 03-5363-3025

Khi ly hôn với vợ/chồng là người Nhật, có một số trường hợp cần thực hiện thủ tục tại Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh, vì vậy vui lòng liên hệ đến Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh.

*Để biết thêm chi tiết về thông báo và thay đổi sang tư cách cư trú khác, vui lòng liên hệ đến Sở quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương ở các địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú của người nước ngoài (TEL: 0570-013904/IP, liên hệ từ nước ngoài: 03-5796-7112/Ngày thường 8:30am – 5:15pm).

(5) Thẻ My Number

<Nơi liên hệ> Ban công tác công dân, TEL: 04-7167-1128

Tổng đài Mynumber thành phố Kashiwa TEL 04-7165-0178

Ngoài việc được sử dụng như Giấy chứng minh nhân dân thì thẻ My Number còn được sử dụng để đăng ký, giao dịch điện tử, v.v... bao gồm chứng minh điện tử do cơ sở tư nhân thực hiện.



[Để được cấp Thẻ My Number]

Những người muốn đăng ký thẻ My Number vui lòng nộp đơn xin cấp thẻ đến Cơ quan hệ thống thông tin chính quyền địa phương Nhật Bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến. Sau khi đăng ký, Cơ quan cấp thẻ sẽ gửi một tờ thông báo về các thủ tục cần thiết cho việc cấp thẻ, vì vậy, khi nhận vui lòng hẹn trước thời gian nhận thẻ tại tổng đài thẻ Mynumber thành phố Kashiwa (TEL 04-7165-0178), sau đó mang theo giấy thông báo, giấy tờ tùy thân cần thiết và xác nhận bản thân đến địa điểm nhận đã hẹn (văn phòng thành phố v.v.)

*Vui lòng lưu ý cách thức thực hiện thủ tục sẽ khác nhau tùy vào người đăng ký là người đại diện được ủy quyền hay người đại diện theo pháp luật nhận.

*Có thể hẹn trước qua điện thoại 3 ngày trước ngày muốn nhận.

[Phí thủ tục] 800 yên, trường hợp xin cấp thẻ My Number thông qua đăng ký điện tử thì phí thủ tục là 1.000 yên (những người lần đầu tiên xin cấp thẻ được miễn phí phí thủ tục)

※ Nếu bạn yêu cầu cấp nhanh, phí là 1,800 yên, nếu bạn cũng sử dụng dịch vụ này cho các đơn đăng ký điện tử, phí là 2.000 yên. Để biết thêm thông tin về chế độ cấp nhanh, vui lòng liên hệ với ban thị dân.

(6) コンビニ交付

コンビニ交付とは、マイナンバーカード（マイナンバーカードと一体化した在留カードまたは永住者証明書である、特定在留カードまたは特別永住者証明書を含みます。）を使用して全国のコンビニエンスストア等に設置されているキオスク端末（マルチコピー機）から住民票の写し等の証明書を取得できるサービスです。

コンビニ交付なら、多言語対応（日本語、英語、中国語、韓国語、スペイン語、ポルトガル語）の端末を使って窓口手数料の半額で証明書を取得できます。

【使い方】

キオスク端末のカード置場にマイナンバーカードを置き、暗証番号（数字4桁）を入力してください。

※マイナンバーカードに利用者証明用電子証明書が登録されていないと手続きはできません。

【取得できる主な証明書】

- ①住民票の写し（個人・世帯全員のもの）1通 150円
- ②印鑑登録証明書 1通 150円
- ③課税証明書 1通 150円
- ④非課税証明書 1通 150円
- ⑤所得証明書 1通 150円
- ⑥住民票記載事項証明書 1通 150円

【利用時間】

午前6時30分～午後11時

【利用できない日】

年末年始（12月29日～1月3日）及び年末年始に連続する土日、コンビニの臨時休業日、機器のメンテナンス日

(7) ^{いんかんとうろく}印鑑登録^{しんせい}の申請

登録できる印鑑は1人1個で、柏市に住民登録をしているかたに限ります。通称名や併記名の印鑑も、その通称名や併記名が住民票に記載されていれば登録できます。登録手数料は、300円です。

印鑑が登録されると、印鑑登録証（カード）が交付されます。この登録証は、印鑑登録証明書の発行を申請するときに必要となります。登録方法については、市民課までお問い合わせください。

※登録できないかた

15歳未満のかた、意思能力を有しないかた

※登録できない印鑑

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| • ほかのかたが登録しているもの | • 氏名以外の事項を併せて表しているもの |
| • ゴム印や、材質・形状が変わりやすいもの | • 住民票の氏名にない文字を加えたもの |
| • 破損、摩滅しているもの（輪郭全体の3分の1以上） | • 動物の絵柄等を姓・名に加工したもの |
| • 印影の大きさが1辺の長さ8mmの正方形に収まるもの | • 動物の絵柄・図柄等を印影中に含めたもの |
| または、1辺の長さ25mmの正方形に収まらないもの | • 逆彫りのもの |

(6) Cấp giấy chứng nhận tại cửa hàng tiện lợi

Dịch vụ cấp thẻ tại cửa hàng tiện lợi cho phép bạn lấy các giấy tờ như bản sao giấy chứng nhận cư trú tại các ki-ốt (máy photocopy phức hợp) được lắp đặt tại các cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc bằng thẻ My Number của bạn (thẻ ngoại kiều hoặc giấy chứng nhận vĩnh trú đã được tích hợp thẻ Mynumber, bao gồm thẻ trú trú đặc định hoặc giấy chứng nhận vĩnh trú đặc định).

Nếu bạn nhận tại cửa hàng tiện lợi, **bạn có thể nhận chứng chỉ với một nửa phí so với quầy** và có hỗ trợ nhiều ngôn ngữ (tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha).

[Cách sử dụng]

Đặt thẻ My Number của bạn vào khe cắm thẻ trên máy KIOSK và nhập mã PIN (4 số).

※ Nếu bạn không đăng ký chứng thư điện tử xác thực người dùng trên thẻ My Number của mình thì sẽ không thể hoàn tất thủ tục

[Các thủ tục chính có thể lấy]

- ① Bản sao giấy chứng nhận cư trú (cho cá nhân và tất cả thành viên trong hộ gia đình) 150 yên/bản
- ② Giấy chứng nhận đăng ký con dấu 150 yên/bản
- ③ Giấy chứng nhận đóng thuế 150 yên/bản
- ④ Giấy chứng nhận miễn thuế 150 yên/bản
- ⑤ Giấy chứng minh thu nhập 150 yên/bản
- ⑥ Giấy chứng nhận mục ghi trong giấy cư trú 150 yên/ bản

[Giờ mở cửa]

6:30 am - 11:00 pm

[Ngày không thể sử dụng dịch vụ]

Ngày lễ tết cuối năm đầu năm mới (29/12 ~ 3/1) và thứ bảy, chủ nhật gần liền kỳ nghỉ lễ tết cuối năm đầu năm mới, ngày nghỉ của cửa hàng tiện lợi, ngày bảo trì thiết bị

(7) Đăng ký con dấu

Một người chỉ được đăng ký 1 con dấu và chỉ những người đang đăng ký cư trú tại thành phố Kashiwa mới được đăng ký con dấu. Đối với con dấu khắc tên thường gọi và tên đi kèm, nếu tên thường gọi và tên đi kèm được viết ở Thẻ cư trú thì có thể đăng ký con dấu mang các tên đó. Phí đăng ký là 300 yên.

Khi con dấu được đăng ký, bạn sẽ nhận được Chứng nhận đăng ký con dấu (dạng thẻ). Cần có Chứng nhận đăng ký này khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký con dấu. Vui lòng liên hệ đến Ban công tác công dân để biết thông tin chi tiết về phương pháp đăng ký.

*Những người không được đăng ký

Người chưa đủ 15 tuổi, người không thể bày tỏ suy nghĩ

*Con dấu không thể đăng ký

- Con dấu đã được một người khác đăng ký
- Con dấu có kết hợp các thông tin khác ngoài họ tên
- Con dấu cao su và con dấu có chất liệu, hình dạng dễ biến đổi
- Con dấu có thêm các ký tự không nằm trong họ tên đăng ký trên Giấy chứng nhận cư trú
- Con dấu bị mòn, hư hỏng (chiếm từ 1/3 trở lên trên toàn bộ đường viền)
- Con dấu có thêm hình vẽ động vật, v.v... trong họ, tên
- Con dấu có kích thước dấu đã đóng nhỏ hơn hình vuông có chiều dài 1 cạnh 8mm, hoặc con dấu có kích thước dấu đã đóng lớn hơn hình vuông có chiều dài cạnh 25 mm
- Con dấu có thiết kế hình vẽ động vật, hoa văn, v.v...
- Con dấu khắc ngược với quy định

(8) ^{いんかんとうろくしょうめいしょ}印鑑登録 ^{こうふ}証明書の交付

印鑑登録証明書は、公正証書の作成、不動産の登記、金銭貸借の保証などに使われる重要なものです。印鑑登録証明書を発行するには、事前に印鑑登録の申請が必要です。

窓口に来るかたの本人確認をするため、在留カードまたは運転免許証などの身分証明書と、印鑑登録証を持参してください。印鑑登録証明書を請求できる場所は、市役所市民課、沼南支所、各出張所、柏駅前行政サービスセンター、柏の葉サービスコーナーです。

代理人が申請する場合も、窓口に来たかたの本人確認をする免許証等と交付対象者の印鑑登録証が必要です。委任状などは不要です。手数料は 300 円です。

※（６）コンビニ交付では、手数料は 150 円です。

^{いんかんとうろく}印鑑登録や^{いんかんとうろくしょうめいしょ}印鑑登録 ^{とあさき}証明書 ^{とあさき}についてのお問い合わせ先】

市民課 TEL 04-7167-1128

(8) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

Giấy chứng nhận đăng ký con dấu là giấy tờ quan trọng được sử dụng để lập giấy tờ công chứng, đăng ký bất động sản, bảo lãnh khi vay tiền, v.v... Để cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu, cần phải hoàn tất đơn xin đăng ký con dấu trước.

Vui lòng mang theo giấy tờ tùy thân như Thẻ cư trú hoặc giấy phép lái xe, v.v... và Chứng nhận đăng ký con dấu để thực hiện xác nhận bản thân của người đến quầy làm thủ tục. Những nơi có thể yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký con dấu là Ban công tác công dân Văn phòng thành phố, chi nhánh Shonan, các văn phòng chi nhánh, Trung tâm dịch vụ hành chính Kashiwa Ekimae, quầy dịch vụ Kashiwanoha.

Trường hợp người đại diện thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký con dấu, cần mang theo giấy phép lái xe, v.v... và Chứng nhận đăng ký con dấu của người cần công chứng để xác nhận bản thân của người đến quầy làm thủ tục. Không cần giấy ủy quyền, v.v... Phí thủ tục là 300 yên.

※ (6) Phí cấp tại cửa hàng tiện lợi là 150 yên

[Nơi liên hệ hỏi đáp về việc đăng ký con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký con dấu]

Ban công tác công dân TEL: 04-7167-1128

5-2 国民健康保険・国民年金・税

(1) 国民健康保険 <お問い合わせ先> 保険年金課 TEL 04-7191-2594

次のようなときは、世帯主は14日以内に保険年金課窓口で届け出が必要です。保険証利用登録をしたマイナンバーカードや資格確認書は、保険に加入していることを示す重要な証明書です。医療機関で診療をうけるときは、必ず持参してください。忘れると、全額自己負担になりますので、注意してください。

こんなとき		用意するもの
		※個人番号カード（マイナンバーカード）または個人番号が確認できる書類の他、以下のそれぞれのものをご用意ください。
加入するとき	入国したとき	①入国したかた全員分の在留カードまたは特別永住者証明書 ②手続きをするかたのキャッシュカード（加入者本人の場合）
	柏市へ引っ越してきたとき	①引っ越しをしたかた全員分の在留カードまたは特別永住者証明書 ②手続きをするかたのキャッシュカード（加入者本人の場合） ※転入の届け出を済ませてから手続きしてください。
	職場の健康保険をやめたとき 	①届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書、 ②資格喪失日が退職日が明記された書類（健康保険の資格喪失証明書・退職証明書・離職票等） ③手続きをするかたのキャッシュカード（加入者本人の場合）
	子どもが生まれたとき	届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書 ※出生の届け出を済ませてから手続きしてください。
やめるとき	出国するとき	①出国をするかた全員分の在留カードまたは特別永住者証明書 ②出国をするかた全員分の国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★）
	柏市から他の市町村へ引っ越しをするとき	①引っ越しをするかた全員分の在留カードまたは特別永住者証明書 ②引っ越しをするかた全員分の国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★）
	職場の健康保険に入ったとき 	①届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書 ②職場の健康保険に入ったかた全員分の職場の健康保険の資格情報のお知らせ等（★）と国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★）
	死亡したとき	①届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書 ②亡くなったかたの国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★）
その他	住所・世帯主・氏名などが変わったとき	①届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書 ②国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★） ※住民票の異動の届け出を済ませてから手続きしてください。
	国民健康保険の資格情報のお知らせ等（★）をなくしたとき 	届け出をするかたの在留カードまたは特別永住者証明書

（★）…資格情報のお知らせ（資格情報通知書），資格確認書

5 - 2 Bảo hiểm y tế quốc gia, Trợ cấp quốc gia, Thuế

(1) Bảo hiểm y tế quốc gia

<Nơi liên hệ> Ban bảo hiểm và trợ cấp quốc gia TEL: 04-7191-2594

Chủ hộ cần phải thông báo đến quầy tiếp nhận của Ban bảo hiểm và trợ cấp quốc gia trong vòng 14 ngày đối với các trường hợp sau đây. Thẻ mynumber đã đăng ký bảo hiểm và giấy chứng nhận đủ điều kiện là giấy chứng nhận quan trọng cho biết bạn đang tham gia bảo hiểm. Hãy luôn mang theo thẻ bảo hiểm khi thăm khám tại các cơ sở y tế. Lưu ý rằng nếu quên mang theo thẻ bảo hiểm, bạn sẽ phải chịu toàn bộ chi phí khám chữa bệnh.

Trường hợp		Giấy tờ cần thiết
		*Ngoài thẻ mã số cá nhân (thẻ My Number) hoặc giấy tờ có thể xác nhận mã số cá nhân, vui lòng chuẩn bị thêm các loại giấy tờ sau trong từng trường hợp cụ thể dưới đây.
Khi tham gia bảo hiểm	Khi nhập cảnh Nhật Bản	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của tất cả những người nhập cảnh Nhật Bản ② Thẻ ngân hàng của người làm thủ tục (trường hợp người chính chủ tham gia)
	Khi chuyển đến thành phố Kashiwa	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của tất cả những người chuyển đến ② Thẻ ngân hàng của người làm thủ tục (trường hợp người chính chủ tham gia) *Vui lòng thực hiện thủ tục sau khi hoàn tất thông báo chuyển đến.
	Khi chấm dứt bảo hiểm y tế ở nơi làm việc 	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo ② Các giấy tờ ghi rõ ngày mất tư cách bảo hiểm hoặc ngày nghỉ hưu (giấy chứng nhận mất tư cách bảo hiểm y tế, giấy chứng nhận thôi việc, giấy báo thôi việc, v.v...) ③ Thẻ ngân hàng của người làm thủ tục (trường hợp người chính chủ tham gia)
	Khi sinh con	Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo *Vui lòng thực hiện thủ tục sau khi hoàn tất thông báo sinh con.
Khi chấm dứt bảo hiểm	Khi xuất cảnh Nhật Bản	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của tất cả những người xuất cảnh Nhật Bản ② Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia của tất cả những người xuất cảnh Nhật Bản (★)
	Khi chuyển từ thành phố Kashiwa đến các thành phố, thị trấn, làng xã khác	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của tất cả những người chuyển đi ② Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia của tất cả những người chuyển đi (★)
	Khi tham gia bảo hiểm y tế ở nơi làm việc 	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo ② Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế (★) và Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia (★) của tất cả những người tham gia bảo hiểm y tế tại nơi làm việc
	Khi qua đời	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo ② Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia của người qua đời (★)
Khác	Khi thay đổi địa chỉ, chủ hộ, họ tên, v.v...	① Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo ② Thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia (★) *Vui lòng thực hiện thủ tục sau khi hoàn tất thông báo thay đổi Giấy chứng nhận cư trú.
	Khi mất thông báo về thông tin đủ điều kiện tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia (★) 	Thẻ cư trú hoặc Giấy chứng nhận thường trú đặc biệt của người thông báo

(★) ...thông báo về thông tin đủ điều kiện (thông báo thông tin về tư cách tham gia bảo hiểm), bản xác nhận tư cách

(2) 後期高齢者医療制度 こうき こうれいしゃいりよう せいど <お問い合わせ先> 保険年金課 ほけん ねんきん か TEL 04-7191-2594

75 歳以上のかたと 65 歳以上で一定の身体障害などをお持ちのかたが加入します。職場の健康保険や共済組合などに加入していたかたも、75 歳になると後期高齢者医療制度の被保険者となります。

【こんなときは加入の手続きが必要です】

県外から転入したとき、65 歳～74 歳のかたで一定の障害があり、後期高齢者医療制度に加入しようとするとき

(3) 国民年金 こくみんねんきん <お問い合わせ先> 国民年金室 こくみんねんきんしつ TEL 04-7167-1130

高齢になったり、病気やけがで体が不自由になる、あるいは死亡されたときに支給されるお金です。日本国内に住んでいる、20 歳以上 60 歳未満のかたは、皆、加入しなければなりません。

ただし、すでにお勤め先で厚生年金に加入しているかたを除きます。

なお、老齢の年金は、原則、65 歳から受け取れます。

国民年金の受給条件 こくみんねんきん じゅきゆうじょうけん

保険料を 120 か月分（10 年間）納付又は免除されていることが受給の条件です。

ただし、永住権を取得されたかたや日本に帰化したかたは、受給に必要な納付や免除の期間に特例があります。

また、日本と社会保障協定を締結している国については、それぞれの国で年金納付月数を合算して受給条件を満たせば、それぞれの国で年金を受け取れます。

詳しくは、松戸年金事務所（TEL 047-345-5517）へお問い合わせください。

(4) 税金 ぜいきん

日本では、個人の所得に対し、国税（所得税）と地方税（個人市・県民税）の 2 つの税金がかかります。その他、タバコやお酒などにあらかじめかけられている税金、間接税があります。物品の購入やサービスを受ける際には、間接税として、消費税がかかります。

■国税(所得税) こくぜい しょとくぜい

1 月 1 日から 12 月 31 日までの期間の個人の所得に課せられます。外国人労働者であっても、日本の居住者（1 年以上日本に住所を有するかた）とみなされれば、同様の税金を支払わなくてはなりません。確定申告の写しや源泉徴収票は、在留資格の更新または変更のときなどに必要になる場合がありますので、大切に保管してください。確定申告や源泉徴収票については、柏税務署へお問い合わせください。

【お問い合わせ先】 柏税務署 TEL 04-7146-2321

【場所】 あけぼの 2-1-30

(2) Chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau

<Nơi liên hệ> Ban bảo hiểm và trợ cấp quốc gia TEL: 04-7191-2594

Những người từ 75 tuổi trở lên và người bị khiếm khuyết về cơ thể từ 65 tuổi trở lên, v.v... sẽ được tham gia chế độ bảo hiểm này. Những người đang tham gia bảo hiểm y tế ở nơi làm việc hoặc chế độ Hưu trí tương trợ, v.v..., khi đến 75 tuổi cũng sẽ thuộc đối tượng được bảo hiểm của chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau.

[Trường hợp cần thực hiện thủ tục tham gia chế độ này]

Người chuyển đến từ một tỉnh khác, trong độ tuổi từ 65 ~ 74 tuổi và có một số khuyết tật nhất định, hãy đăng ký tham gia chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau.

(3) Trợ cấp quốc gia

<Nơi liên hệ> Phòng lương hưu quốc gia TEL: 04-7167-1130

Trợ cấp quốc gia là khoản tiền trợ cấp khi bạn về già, bị khuyết tật trên cơ thể do bị bệnh hoặc bị thương, hoặc khi qua đời.

Tất cả những người sống tại Nhật Bản, trong độ tuổi từ 20 đến dưới 60 đều phải tham gia.

Tuy nhiên, những người trước đó đã tham gia chế độ Hưu trí phúc lợi ở nơi làm việc thì không bắt buộc phải tham gia.

Ngoài ra, đối với trợ cấp người cao tuổi, về nguyên tắc, người tham gia có thể nhận trợ cấp từ 65 tuổi.

[Điều kiện được nhận trợ cấp lương hưu quốc gia]

Người đã đóng phí bảo hiểm phí trong 120 tháng (10 năm) hoặc được miễn trừ phí bảo hiểm là người đủ điều kiện để được nhận trợ cấp.

Tuy nhiên, đối với những người nhận được quyền thường trú và người nhập quốc tịch Nhật Bản, có trường hợp được đặc biệt về thời gian miễn giảm và những điều kiện cần đóng.

Đối với các quốc gia có ký Thỏa thuận an sinh xã hội với Nhật Bản, nếu tổng số tháng đóng trợ cấp tại quốc gia đó thỏa mãn điều kiện nhận trợ cấp, người tham gia sẽ được hưởng trợ cấp quốc gia tại quốc gia tương ứng.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ đến Văn phòng trợ cấp quốc gia Matsudo (TEL: 047-345-5517).

(4) Thuế

Tại Nhật Bản, có 2 loại thuế được tính dựa trên thu nhập của cá nhân là thuế quốc gia (thuế thu nhập) và thuế địa phương (thuế cá nhân đóng cho thành phố và thuế tỉnh).

Ngoài ra, còn có thuế gián tiếp và thuế được tính trước trong thuốc lá và rượu, v.v.... Khi mua hàng hoặc sử dụng một dịch vụ, bạn sẽ phải chịu thuế tiêu dùng được xem như là hình thức của thuế gián tiếp.

■ Thuế quốc gia (thuế thu nhập)

Thuế quốc gia sẽ được tính dựa trên thu nhập cá nhân trong khoảng thời gian từ ngày 1/1 đến 31/12. Đối với người lao động nước ngoài, trường hợp được công nhận là người cư trú tại Nhật Bản (những người có địa chỉ sinh sống tại Nhật từ 1 năm trở lên) thì cũng phải đóng các loại thuế tương tự.

Bản sao của Tờ kê khai thuế thu nhập và Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn rất cần thiết khi gia hạn hoặc thay đổi tư cách cư trú, v.v... vì vậy, vui lòng cất giữ cẩn thận. Để biết thêm chi tiết về Tờ kê khai thuế thu nhập và Phiếu khấu trừ thuế tại nguồn, vui lòng liên hệ Văn phòng thuế Kashiwa.

[Nơi liên hệ] Văn phòng thuế Kashiwa TEL: 04-7146-2321

[Địa chỉ] 2-1-30 Akebono

■^{ちほうぜい}地方税（^{こじん しみんぜい}個人市民税・^{けんみんぜい}県民税、^{こてい しさんぜい}固定資産税・^{とし けいかくぜい}都市計画税）

個人市民税・県民税は、1月1日現在の居住地で前年の所得額に対して課税されます。給与所得者の場合は、所得税と同じく会社・雇用主が毎月の給与から差引いて（特別徴収）、本人に代わって納めることになります。また、公的年金を有する65歳以上のかたは、年金所得に係る税額を原則として公的年金からの引き落とし（特別徴収）によるものとされています。それ以外のかたは、市役所に直接納めることになります。金額は、前年中の所得を基準に計算した金額と定額で負担する金額の合計です。

また、土地や家屋などを所有しているかたには固定資産税が、さらに市街化区域内に土地や家屋を所有しているかたには都市計画税がかかります。

【^とお問い合わせ先^{あ さき}】

個人市民税・県民税については

市民税課 TEL 04-7167-1124

固定資産税・都市計画税については

資産税課 TEL 04-7167-1125



■ **Thuế địa phương (thuế cá nhân đóng cho thành phố và thuế tỉnh, thuế tài sản cố định, thuế phát triển quy hoạch thành phố)**

Thuế cá nhân đóng cho thành phố và thuế tỉnh được tính dựa trên khoản thu nhập của năm trước kể từ ngày 1 tháng 1 tại nơi cư trú. Trong trường hợp là người đi làm có thu nhập, thì công ty hoặc người sử dụng lao động sẽ trừ vào tiền lương hàng tháng (thu thuế đặc biệt) và nộp thay cho họ tương tự như thuế thu nhập. Ngoài ra, đối với những người từ 65 tuổi trở lên có tiền hưu trí công, về nguyên tắc, tiền thuế liên quan đến thu nhập lương hưu sẽ được thu bằng cách trừ vào tiền hưu trí công (thu thuế đặc biệt). Những người không thuộc nhóm đối tượng trên sẽ phải nộp trực tiếp tại Văn phòng thành phố. Số tiền này là tổng số tiền phải chi trả từ khoản tiền được tính dựa trên thu nhập trong năm trước và khoản tiền cố định.

Ngoài ra, đối với những người sở hữu đất đai, nhà cửa, v.v..., thì phải chịu thuế tài sản cố định, những người sở hữu đất đai và nhà cửa trong khu vực đô thị hoá sẽ phải chịu thuế quy hoạch phát triển thành phố.

[Nơi liên hệ]

Đối với thuế cá nhân đóng cho thành phố và thuế tỉnh:

Ban thuế thị dân TEL: 04-7167-1124

Đối với thuế tài sản cố định và thuế quy hoạch phát triển đô thị:

Ban thuế tài sản TEL: 04-7167-1125



5-3 ^{こそだ}子育て

(1) ^{こそだ}子育て ^{じょうほう}情報 ^{とあ}＜お問い合わせ先＞ ^{せいさく}こども政策課 TEL 04-7170-2692



子育てサイト「はぐはぐ柏」 (<http://www.city.kashiwa.lg.jp/living/haguhagu/index.html>) や、各近隣センターや児童センターなどで配布する「かしわこそだてハンドブック」で、子育てに関する情報を提供しています。「かしわこそだてハンドブック」には、外国語版（英語・中国語・韓国語）もあります。

(2) ^{にんしん}妊娠したら



■ ^{にんしん}妊娠届出書・^{ぼし}母子健康手帳

^{とあ}＜お問い合わせ先＞ ^ぶこども部 ^{しほけん}母子保健課 TEL 04-7167-1257

妊娠したら「妊娠届出書」を提出してください。「母子健康手帳」は、妊産婦や乳幼児の健康診査・予防接種を受ける際に必要です。医療機関に行き、出産予定日がわかったら、早めに受け取りましょう。

【^{もう}申し込み】

マイナンバーカードなど、身分のわかるものを持って、柏市妊娠子育て相談窓口(T e t o t e 2 階, ウェルネス柏3階母子保健課, 柏市役所別館3階, 沼南庁舎1階)へ必ずWeb 予約の上, お越しください。

■ ^{にんぶ}妊婦一般健康診査 (妊婦健診)

^{とあ}＜お問い合わせ先＞ ^ぶこども部 ^{しほけん}母子保健課 TEL 04-7167-1257

妊娠中は、月数に応じて定期的に健康診査を受け、身体の状態を確かめましょう。この健診を指定医療機関で受ける場合、14 回分の健診費用（一定の範囲内）が助成されます。受診票（母子健康手帳別冊）は、母子健康手帳と一緒に渡しています。

■ ^{しゅっさん}出産 育児一時金 ^{とあ}＜お問い合わせ先＞ ^{ほけん}保険年金課 TEL 04-7191-2594

国民健康保険の加入者が出産したときに、子ども1人につき、50万円が支給されます（妊娠12週以上流産・死産の場合も含む）。原則、子どもを産む病院へ申請します。

■ ^{にんぶ}妊婦歯科健康診査 ^{とあ}＜お問い合わせ先＞ ^ぶこども部 ^{しほけん}母子保健課 TEL 04-7167-1257

妊娠期は食事内容やホルモンバランスの変化から、歯科疾患に罹患しやすい時期ですので、歯科健診を受け、お口の健康状態を確認しておきましょう。この健診を指定医療機関で受ける場合、無料で受けることができます。受診票（母子健康手帳別冊）は、母子健康手帳と一緒に渡しています。

5 - 3 Nuôi dạy trẻ

(1) Thông tin nuôi dạy trẻ <Nơi liên hệ> Ban đối sách trẻ em TEL: 04-7170-2692



Trang web nuôi dạy trẻ "Haguhagu Kashiwa" (<http://www.city.kashiwa.lg.jp/living/haguhagu/index.html>) và "sổ tay Kashiwa kodate" được phát tại mỗi trung tâm khu phố và trung tâm trẻ em cung cấp thông tin về nuôi dạy trẻ. "Cẩm nang Kashiwa Kosodate" có cả phiên bản tiếng nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Hàn).

(2) Trường hợp đang mang thai



■ Giấy thông báo mang thai và Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em

<Nơi liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL: 04-7167-1257

Nếu bạn có thai, hãy nộp "Giấy thông báo mang thai". "Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em" rất cần thiết khi kiểm tra sức khỏe và tiêm chủng dự phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh. Vì vậy, hãy nhận sổ sớm nhất sau khi biết ngày dự sinh ở bệnh viện.

[Cách đăng ký]

Hãy đảm bảo đặt chỗ trước sau đó mang theo thẻ Mynumber hoặc giấy tờ tùy thân và đi đến quầy tư vấn mang thai chăm trẻ thành phố Kashiwa (Tầng 2 Tetote, phòng sức khỏe mẹ và bé tầng 3 toà nhà Wellness Kashiwa, Tầng 3 toà thị chính Kashiwa, Tầng 1 Chi nhánh Shonan).

■ Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho thai phụ (kiểm tra sức khỏe thai sản)

<Nơi liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL: 04-7167-1257

Trong quá trình mang thai, hãy kiểm tra sức khỏe định kỳ theo từng tháng mang thai và kiểm tra tình trạng sức khỏe. Trường hợp kiểm tra sức khỏe tại cơ sở y tế chỉ định thì thai phụ sẽ được trợ cấp chi phí kiểm tra sức khỏe trong 14 lần (trong phạm vi nhất định). Phiếu hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Phiếu riêng biệt với Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em) sẽ được cấp cùng với Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em.

■ Tiền trợ cấp sinh con và nuôi con một lần

<Nơi liên hệ> Ban bảo hiểm và trợ cấp quốc gia TEL: 04-7191-2594

Khi người tham gia bảo hiểm y tế quốc gia sinh con, sẽ nhận được trợ cấp 500.000 yên cho mỗi 1 trẻ (bao gồm trường hợp sảy thai, thai chết lưu khi thai từ 12 tuần trở lên). Theo nguyên tắc, thai phụ cần làm đơn yêu cầu gửi đến bệnh viện sinh con.

■ Khám sức khỏe răng miệng cho phụ nữ mang thai

<Liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL 04-7167-1257

Trong thời kỳ mang thai, những thay đổi về chế độ ăn uống và cân bằng hormon khiến bạn dễ mắc các bệnh về răng miệng, vì vậy hãy nhớ khám răng để kiểm tra sức khỏe răng miệng. Nếu thực hiện kiểm tra răng miệng tại cơ sở y tế chỉ định, bạn sẽ được khám miễn phí. Phiếu khám (tập tài liệu đính kèm sổ tay sức khỏe mẹ và bé) sẽ được trao cùng với sổ tay mẹ và bé.

(3) 赤ちゃんが生まれたら



■ 出生届 しゅっしょうとどけ <お問い合わせ先> と あ さき しみんか 市民課 TEL 04-7167-1128

日本国内で出産をしたら、生まれた日から 14 日以内に市役所の市民課等に出生届を提出します。出生証明書、母子健康手帳、父母の在留カードまたはパスポートを持参してください。

また、外国人夫婦の場合は婚姻している証明も持参してください。なお、父又は母が日本人で、海外で出産した場合には、国籍留保の手続きが必要となる場合がありますので、市民課にお問い合わせください。

■ 在日公館への報告 ざいにちこうかん ほうこく

子どもが生まれた報告を在日公館に行う必要があります。申請にあたっての必要な書類は事前に各大使館に確認してください。

■ 在留資格の取得の許可申請 ざいりゅう しかく しゅとく きょか しんせい

<お問い合わせ先> と あ さき どうきょうしゅつにゆうこくざいりゅう かんりきょく 東京 出入国在留管理局 TEL 03-5363-3025

外国人として日本で出生したかたは、その事由が生じた日から 60 日間は在留資格なしにそのまま日本に在留することができます。しかし、その期間内に出国せずに、その後も日本に在留しようとするときは、その事由が生じてから 30 日以内に在留資格の取得を申請しなければなりません。

必要書類については、各地方出入国在留管理官署または外国人在留総合インフォメーションセンター（TEL 0570-013904/IP、海外:03-5796-7112/平日午前 8 時 30 分～午後 5 時 15 分）へお問い合わせください。

(4) 出生届 しゅっしょうとどけ を出したあとの手続き てつづ

■ 乳児一般健康診査 にゅうじ いっぱん けんこう しんさ（乳児健診 にゅうじ けんしん）

<お問い合わせ先> と あ さき こども ぶ ぼ し ぼけん か こども部母子保健課 TEL 04-7167-1257

赤ちゃんの発育・発達状況などを確かめるために、定期健康診査を受けましょう。指定の医療機関で受診する場合、生後 3～6 カ月の間に 1 回、9～11 カ月の間に 1 回、健診費用（一定の範囲内）が助成されます。

該当するかたには、母子健康手帳を交付する際に受診票（母子健康手帳別冊）を渡しています。

(3) Khi sinh em bé



■ Giấy khai sinh

<Nơi liên hệ> Ban công tác công dân TEL:04-7167-1128

Trong trường hợp sinh con tại Nhật Bản, vui lòng nộp giấy khai sinh tại Ban công tác công dân, v.v... của Văn phòng thành phố trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh em bé. Vui lòng mang theo Giấy chứng sinh, Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em, thẻ lưu trú của bố mẹ bé hoặc hộ chiếu.

Ngoài ra, trường hợp vợ/chồng là người nước ngoài, vui lòng mang kèm theo giấy chứng nhận kết hôn. Bên cạnh đó, nếu ba hoặc mẹ là người Nhật Bản và sinh con tại nước ngoài, cần làm thủ tục bảo lưu quốc tịch, vì vậy vui lòng liên hệ với Ban công tác công dân.

■ Thông báo đến Đại sứ quán tại Nhật Bản

Cần phải thông báo đến Đại sứ quán Nhật Bản sau khi sinh con. Vui lòng xác nhận trước với Đại sứ quán để biết các loại giấy tờ cần thiết khi thông báo.

■ Đăng ký xin cấp tư cách lưu trú

<Nơi liên hệ> Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh Tokyo TEL: 03-5363-3025

Người nước ngoài sinh con tại Nhật Bản sẽ được lưu trú tại Nhật trong khoảng 60 ngày kể từ ngày sinh con mà không cần tư cách lưu trú. Tuy nhiên, nếu không rời khỏi Nhật Bản trong khoảng thời gian này và sau đó muốn ở lại Nhật Bản, cần phải nộp đơn xin cấp tư cách lưu trú trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh con.

Để biết thêm thông tin chi tiết về các loại giấy tờ cần thiết, vui lòng liên hệ với Sở quản lý lưu trú xuất nhập cảnh địa phương hoặc Trung tâm thông tin tổng hợp về cư trú của người nước ngoài (TEL: 0570-013904/IP, liên hệ từ nước ngoài: 03-5796-7112/Ngày thường: 8:30 am ~ 5:15 pm)

(4) Các thủ tục sau khi nộp giấy khai sinh

■ Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ sơ sinh (kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh)

<Nơi liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL: 04-7167-1257

Hãy kiểm tra sức khỏe định kỳ của trẻ sơ sinh để xác nhận tình trạng phát triển, tăng trưởng, v.v... của trẻ. Trường hợp trẻ khám tại cơ sở y tế được chỉ định, thì sẽ được hỗ trợ chi phí kiểm tra sức khỏe (trong giới hạn nhất định) 1 lần vào tháng thứ 3 ~ thứ 6 và 1 lần vào tháng thứ 9 ~ tháng 11 sau khi sinh.

Phiếu hỗ trợ cho phụ nữ mang thai (Phiếu riêng biệt với Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em) sẽ được cấp cùng với Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em cho những người thuộc đối tượng hỗ trợ.

■^{よぼう せつしゅ と あ さき けんこうぞうしん か}**予防接種 <お問い合わせ先>健康増進課 TEL 04-7128-8166**

赤ちゃんのお誕生日翌月に「予防接種ノート」を郵送します。お子さんが予防接種を受ける時に必要です。公費で受けられる予防接種の種類は5種混合(ジフテリア・百日咳・破傷風・ポリオ・ヒブ)、BCG、小児用肺炎球菌、B型肝炎、麻しん風しん混合(MR)、水痘、日本脳炎、ヒトパピローマウイルス感染症、ロタウイルスです。接種を希望されるかたは、かかりつけ医を決めて事前に医療機関に連絡の上、「予防接種ノート」と「母子健康手帳」を持参してください。接種の時期・対象年齢等は、「予防接種ノート」をご覧ください。

■^{さい げつ じ けんこう しんさ と あ さき ぶ ぼ し ほけん か}**1歳6か月児健康診査 <お問い合わせ先>こども部母子保健課 TEL 04-7167-1257**



満1歳6か月の幼児の心身の発育・発達などの健康状態を確かめ、育児・食事・歯科などの相談を行います。対象者には個人通知します。また、健診会場において絵本を通した子育て支援事業「ブックスタート」を行います。日程などは市のホームページ (<https://www.city.kashiwa.lg.jp/chikihoken/haguhagu/navi/iryokenko/shindan/1sai.html>) をご覧ください。

■^{さい じ けんこう しんさ と あ さき ぶ ぼ し ほけん か}**3歳児健康診査 <お問い合わせ先>こども部母子保健課 TEL 04-7167-1257**



満3歳6か月の幼児の心身の発育・発達などの健康状態を確かめ、育児・食事・歯科などの相談を行います。対象者には個人通知します。日程などは市のホームページ (<https://www.city.kashiwa.lg.jp/chikihoken/haguhagu/navi/iryokenko/shindan/3sai.html>) をご覧ください。

■^{じどう てあて と あ さき ふくしか}**児童手当 <お問い合わせ先>こども福祉課 TEL 04-7128-9923**

日本国内に居住している高校3年生までの子どもを養育しているかたに支給されます。

【^{しきゅうがく}支給額】

3歳未満は月額15,000円。3歳～高校生は10,000円（第3子以降は30,000円）。

【^{しきゅう じき}支給時期】2月・4月・6月・8月・10月・12月の年6回

【^{しんせいほうほう}申請方法】

養育者名義の預金通帳、養育者の健康保険の資格確認書等、在留カードを持って、こども福祉課または沼南支所、各出張所へ。詳しくはお問い合わせください。

※児童手当は申請をした月の翌月から計算され、さかのぼって請求はできません。

※転入・出生の場合はその翌日から15日以内に申請してください。また、届け出の内容によっては、出張所でお受けできない場合があります。

※受給中のかたで、住所・養育児童数など申請内容に変更があった場合は、必ず連絡してください。

■ Tiêm chủng dự phòng

<Nơi liên hệ> Phòng xúc tiến sức khỏe TEL 04-7128-8166

“Phiếu tiêm chủng” sẽ được gửi qua đường bưu điện vào tháng sau sinh nhật của bé. Sổ tay này rất quan trọng khi tiêm chủng dự phòng cho trẻ. Các loại tiêm chủng dự phòng được chi trả bằng chi phí công bao gồm vaccin 5 trong 1 (bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, Hib), BCG, Hib, nhiễm trùng do phế cầu khuẩn ở trẻ em, viêm gan B, vaccin phối hợp sởi – rubella (MR), thủy đậu, viêm não Nhật Bản, nhiễm trùng virus papilloma ở người, virus Rota. Những người muốn tiêm chủng, vui lòng liên hệ trước với cơ sở y tế và mang theo “Sổ Theo dõi sức khỏe Bà mẹ và Trẻ em”, “sổ tiêm phòng”. Vui lòng tham khảo thông tin về thời gian và độ tuổi tiêm chủng, v.v... bên trong Sổ tay tiêm chủng dự phòng.

■ Kiểm tra sức khỏe cho trẻ 18 tháng tuổi

<Nơi liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL: 04-7167-1257



Tiến hành kiểm tra tình trạng sức khỏe như sự phát triển, tăng trưởng, v.v... về tinh thần và thể chất ở giai đoạn đầu cho trẻ sơ sinh 18 tháng tuổi và trao đổi tư vấn về vấn đề nuôi dạy, chế độ ăn uống và chăm sóc răng miệng, v.v... của trẻ. Chúng tôi sẽ thông báo riêng cho từng đối tượng.

Ngoài ra, thành phố còn triển khai dự án hỗ trợ nuôi dạy trẻ “Bookstart” thông qua những quyển truyện tranh được đặt tại các địa điểm kiểm tra sức khỏe. Vui lòng truy cập trang chủ thành phố (<https://www.city.kashiwa.lg.jp/chikihoken/haguhagu/navi/iryokenko/shindan/1sai.html>) để biết thêm thông tin chi tiết về lịch trình, v.v...

■ Khám sức khỏe cho trẻ 3 tuổi

<Nơi liên hệ> Phòng bảo hiểm mẹ và bé bộ phận trẻ em TEL 04-7167-1257



Chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ từ 3 tuổi 6 tháng, đồng thời tư vấn về chăm sóc trẻ em, chế độ ăn uống, khám răng miệng v.v.

Thông báo sẽ được gửi đến những đối tượng đủ điều kiện. Xem trang chủ của thành phố để biết lịch trình. (<https://www.city.kashiwa.lg.jp/chikihoken/haguhagu/navi/iryokenko/shindan/3sai.html>)

■ Trợ cấp nhi đồng <Nơi liên hệ> Ban Phúc lợi Trẻ em TEL: 04-7128-9923

Những người đang cư trú tại thành phố và đang nuôi dạy trẻ em là học sinh năm 3 của trường trung học phổ thông hoặc trẻ nhỏ hơn sẽ được nhận trợ cấp nhi đồng.

[Số tiền hỗ trợ]

Trẻ dưới 3 tuổi được hỗ trợ 15.000 yên hàng tháng. Trẻ từ 3 tuổi ~ trung học phổ thông được hỗ trợ 10.000 yên (từ trẻ thứ 3 trở đi 30.000 yên).

[Thời gian chi trả] 6 lần/năm vào tháng 2, tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10, tháng 12

[Cách thức đăng ký]

Vui lòng mang theo sổ tiết kiệm mang tên người nuôi dưỡng, phiếu xác nhận tư cách bảo hiểm, thẻ ngoại kiều của người nuôi dưỡng đến Ban Phúc lợi Trẻ em hoặc chi nhánh Shonan, hoặc các văn phòng chi nhánh để đăng ký nhận trợ cấp. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết.

*Trợ cấp nhi đồng được tính từ tháng kế tiếp của tháng đăng ký, và không thể yêu cầu hủy đăng ký.

*Vui lòng đăng ký trong vòng 15 ngày kể từ sau ngày chuyển đến hoặc sinh con. Tùy thuộc vào nội dung của đơn đăng ký mà có trường hợp chúng tôi không tiếp nhận các đơn đăng ký tại văn phòng chi nhánh.

*Đối với những người đang nhận trợ cấp, vui lòng liên hệ trong trường hợp thay đổi nội dung đăng ký như địa chỉ nơi ở, số trẻ được nuôi dưỡng, v.v...

■^こ子ども^{いりょうひ じょせい せいど}医療費助成制度 ^{と あ さき}＜お問い合わせ先＞^{ふくしか}こども福祉課 TEL 04-7128-9923

子どもにかかる医療費の負担を軽減するため、医療費を助成しています。助成を受けるには、事前に「医療費助成受給券」の交付申請が必要です。

【^{たいしょう}対象】

入院・通院＝0歳～高校3年生相当の年齢の子ども
(※婚姻している場合を除く)

【^{じょせいないう}助成内容】

健康保険適用分の医療費（医科・歯科・調剤等）や入院中の食事療養費標準負担額の一部が助成されます。

【^{じこ ふたん がく}自己負担額】

通院＝1回 300円または無料

調剤＝無料

入院＝1日 300円または無料

【^{もう こ}申し込み】

子ども医療費助成受給券の交付申請は、子どもの健康保険の加入情報が分かるもの（資格確認書等）を持って、こども福祉課・沼南支所福祉担当・柏駅前行政サービスセンター・出張所で申請してください。詳しくはお問い合わせください。



■ Chế độ hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em

<Nơi liên hệ> Ban Phúc lợi Trẻ em TEL: 04-7128-9923

Thành phố thiết lập chế độ hỗ trợ chi phí y tế nhằm giúp giảm nhẹ gánh nặng về chi phí y tế cho trẻ em. Để nhận được trợ cấp, bạn cần phải đăng ký xin cấp trước “Phiếu nhận trợ cấp chi phí y tế”.

[Đối tượng]

Nhập viện, điều trị ngoại trú: Trẻ từ 0 tuổi ~ trẻ có độ tuổi tương đương học sinh năm 3 của trường trung học cơ sở.

(※ Trừ trường hợp đã kết hôn)

[Nội dung trợ cấp]

Được hỗ trợ một phần chi phí y tế của phần áp dụng bảo hiểm y tế (các khoa khám chữa bệnh, nha khoa và các loại thuốc, v.v...) và khoản chi phí ăn uống tự chi trả khi nhập viện.



[Khoản tiền tự chi trả]

Đi khám bệnh: 1 lần 300 yên hoặc miễn phí, Thuốc: miễn phí, Nhập viện: 1 ngày 300 yên hoặc miễn phí.

[Đăng ký]

Vui lòng mang theo giấy tờ chứng minh thông tin đăng ký bảo hiểm y tế (chẳng hạn như giấy chứng nhận đủ điều kiện) của trẻ để xin giấy chứng nhận trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em tại bộ phận phúc lợi trẻ em, bộ phận phúc lợi văn phòng chi nhánh Shonan, trung tâm dịch vụ hành chính Kashiwa Ekimae hoặc các văn phòng chi nhánh. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết.

5-4 きょういく 教育

日本の学校、認定こども園、幼稚園、保育所などは、4月から始まります。認定こども園と保育所は0～5歳児が対象、幼稚園は3～5歳児が対象で、受け入れ可能な歳児は施設によって異なります。小学校は6年、中学校・高校は3年、大学は4年制です。

小学校へは満6歳、中学校へは満12歳になった後の4月に入学します。なお、外国人は、日本の学校に就学する義務はありませんが、希望する場合は、入学することができます。その場合、原則として、年齢相当の学年に入学することとなります。



(1) にんてい こどもえん・ほいくえんなどへの入園 にゅうえん

＜お問い合わせ先＞ほいくえん 保育運営課 TEL 04-7167-1137

保護者等が、就労などにより昼間家庭で子どもを養育できない場合、保護者に代わって保育するものです。保育施設には公立と私立の他、認定こども園、小規模認可保育などがあります。詳しくは、保育園等利用申込みのご案内をご覧ください。

もうしこみほうほう 【申込方法】

申請書一式の他に、保護者の就労証明書など家庭保育できない理由の書類等を用意して、各月締切日までに市役所保育運営課へ（第一希望が認定こども園の場合は直接申し込み）。

(2) ようちえんへの入園 にゅうえん

前年の9月1日以降に願書を配布し、随時受付を開始します。詳しくは各幼稚園のホームページか電話等でお問い合わせください。

5 - 4 Giáo dục

Các trường học, trường mầm non được công nhận trường mẫu giáo và nhà trẻ, v.v.. ở Nhật Bản thường bắt đầu nhập học từ tháng 4. Trường mầm non được công nhận và trường mầm non từ 0~5 tuổi, trẻ ở trường mẫu giáo là từ khoảng 3 đến 5 tuổi, tuổi trẻ được tiếp nhận sẽ khác nhau tùy theo cơ sở. Hệ thống giáo dục Nhật Bản bao gồm trường tiểu học kéo dài trong 6 năm, trung học cơ sở và trung học phổ thông kéo dài trong 3 năm và đại học kéo dài trong 4 năm.

Trẻ nhập học vào trường tiểu học khi đủ 6 tuổi và học lên trung học cơ sở vào tháng 4 sau khi đủ 12 tuổi. Người nước ngoài không bắt buộc phải theo học tại trường học ở Nhật Bản, tuy nhiên, nếu muốn học thì có thể đăng ký nhập học. Trong trường hợp này, theo nguyên tắc, người đăng ký nhập học phải chọn học lớp phù hợp với độ tuổi của mình.



(1) Nhập học tại nhà trẻ kết hợp với mẫu giáo, nhà trẻ, v.v...

<Nơi liên hệ> Ban quản lý chăm sóc trẻ em TEL: 04-7167-1137

Các cơ sở này nhận chăm sóc trẻ thay cho người giám hộ trong trường hợp người giám hộ, v.v... không thể chăm sóc trẻ tại nhà vào ban ngày do phải đi làm. Cơ sở chăm sóc gồm cơ sở công lập và tư nhân, bên cạnh đó thành phố còn có nhà trẻ kết hợp với mẫu giáo, nhà trẻ được chứng nhận có quy mô nhỏ, v.v... Vui lòng tham khảo hướng dẫn trong đơn đăng ký sử dụng nhà trẻ, v.v... để biết thêm chi tiết.

[Cách thức đăng ký]

Vui lòng chuẩn bị các giấy tờ ghi rõ lý do không thể chăm sóc trẻ tại nhà như giấy chứng minh công việc của người giám hộ, v.v... cùng với bộ đơn đăng ký hoàn chỉnh, sau đó gửi đến Ban quản lý chăm sóc trẻ em của Văn phòng thành phố đến trước ngày hết hạn của mỗi tháng (Trường hợp đăng ký nguyện vọng một là nhà trẻ được chứng nhận thì đăng ký trực tiếp).

(2) Nhập học vào trường mẫu giáo

Đơn xin nhập học sẽ được phát vào sau ngày 1 tháng 9 và các trường sẽ bắt đầu tiếp nhận đăng ký bất cứ lúc nào của năm trước năm nhập học. Vui lòng truy cập vào trang chủ của trường mẫu giáo hoặc liên hệ qua điện thoại để biết thêm thông tin chi tiết.

(3) しょうがっこう・ちゅうがっこうへにゅうがくするとき

＜お問い合わせ先＞学校教育課 TEL 04-7191-7367

4月に小学校（中学校）へ入学予定の子どもの保護者あてに、教育委員会から「入学する小学校（中学校）」と「入学式の日」を記載した「入学通知書」を前年の9月中旬に郵送します。入学式直前に柏市へ転入した場合は、転入手続きの際にその場で「入学通知書」を交付します。

【にほんご しえん 日本語支援について】

お子様の日本語が不十分で、学校生活や授業で困らないようにするため、通学する学校で日本語の支援を受けることができます。学校を通して支援の希望をお伝えください。教育委員会を通して日本語支援者を派遣します。

(4) しょうがくせい・ちゅうがくせい・てんこうが転校するとき

＜お問い合わせ先＞学校教育課 TEL 04-7191-7367

① 柏市の学校へ転校する場合

転入・転居手続きの際に、住所で指定される学校（指定校）への「入学通知書」を交付します。これまで通っていた学校から受け取った書類（「在学証明書」等）と一緒に転校先の学校へ提出してください。なお、指定校以外の学校を希望する場合はご相談ください。

② 柏市の学校から転校する場合

転出・転居予定の日が決まったら速やかに通っている学校へ相談し、転校に必要な書類（「在学証明書」等）を受け取ってください。柏市外の学校へ転校する場合には、入学方法を転出先の教育委員会へお問い合わせください。

(5) がくどうほいく（こどもルーム）のりよう

＜お問い合わせ先＞アフタースクール課 TEL 04-7192-8045

保護者が共に働いているなどの理由で、昼間帰宅しても保育する人がいない小学1年～6年生までの児童の保育を行い、児童の健全な育成を図る施設がこどもルームです。現在市内には、23カ所のこどもルームが設置されています。入所の方法・手続きは、アフタースクール課へお問い合わせください。

(6) がくどうほいく（アフタースクール）のりよう

＜お問い合わせ先＞アフタースクール課 TEL 04-7192-8045

放課後等において、保護者の就労状況等にかかわらず、希望するすべての児童（小学校1年～6年生）に多様な体験及び生活の場を提供し、安全で安心な居場所の充実を図り、児童の健全な育成を目的とした事業です。令和8年度から柏市内20校での利用が可能となり、残りの22校は順次移行していきます。事業内容及び利用方法等については、アフタースクール課へお問い合わせください。

(3) Nhập học vào trường tiểu học, trung học cơ sở

<Nơi liên hệ> Ban giáo dục trường học TEL: 04-7191-7367

Ủy ban giáo dục sẽ gửi “Giấy thông báo nhập học” có ghi rõ “Trường tiểu học (trung học cơ sở) sẽ vào học” và “Ngày lễ nhập học” qua bưu điện từ giữa tuần tháng 9 năm trước cho người giám hộ của trẻ có dự định nhập học vào trường tiểu học (trung học cơ sở) kỳ tháng 4. Trường hợp chuyển đến thành phố Kashiwa trước lễ nhập học, sẽ nhận “Giấy thông báo nhập học” tại nơi đăng ký khi làm thủ tục chuyển đến.

[Về việc hỗ trợ tiếng Nhật]

Những trẻ có năng lực tiếng Nhật chưa tốt có thể nhận được hỗ trợ tiếng Nhật tại trường đang theo học, đây là chế độ hỗ trợ giúp trẻ không gặp khó khăn khi sinh hoạt tại trường và trong các giờ học. Vui lòng thông báo yêu cầu muốn nhận hỗ trợ Tiếng Nhật thông qua các trường học. Ủy ban giáo dục sẽ cử nhân viên hỗ trợ tiếng Nhật đến giảng dạy tại trường học.

(4) Khi học sinh tiểu học, trung học cơ sở chuyển trường

<Nơi liên hệ> Ban giáo dục trường học TEL: 04-7191-7367

① Trường hợp chuyển đến trường tại thành phố Kashiwa

Bạn sẽ được cấp “Giấy thông báo nhập học” để gửi đến trường học được chỉ định (trường học chỉ định) theo địa chỉ khi làm thủ tục chuyển đến, chuyển đi. Vui lòng gửi kèm các giấy tờ (“Giấy chứng nhận đang học ở trường”, v.v...) đã nhận được từ trường trẻ đã theo học trước đây và gửi đến trường muốn chuyển đến. Ngoài ra, vui lòng trao đổi với chúng tôi nếu cho trẻ nhập học tại trường học ngoài chỉ định.

② Trường hợp chuyển đi từ trường học tại thành phố Kashiwa

Sau khi quyết định ngày muốn chuyển đi, chuyển chỗ ở, vui lòng liên hệ và trao đổi nhanh chóng với trường đang theo học và nhận các giấy tờ cần thiết (“Giấy chứng nhận đang học tại trường”, v.v...) để chuyển trường. Trường hợp muốn chuyển đến trường khác ngoài thành phố Kashiwa, vui lòng liên hệ với Ủy ban Giáo dục của nơi chuyển đi để biết cách nhập học.

(5) Sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường (Kodomo Room)

<Nơi liên hệ> Ban chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường TEL: 04-7192-8045

Kodomo Room là cơ sở được thiết lập nhằm mục đích nuôi dạy trẻ khỏe mạnh và chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường với đối tượng là học sinh lớp 1 ~ lớp 6 ở trường tiểu học, đang sống trong các hộ gia đình không có người giám hộ ở nhà vì lý do cả bố mẹ đều đi làm và không có người chăm sóc khi trẻ về nhà vào ban ngày. Hiện tại, trong thành phố Kashiwa đang có 23 cơ sở chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường. Vui lòng liên hệ với Ban chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường để biết thêm chi tiết về cách đăng ký và làm thủ tục vào học tại cơ sở.

(6) Sử dụng cơ sở chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường (after school)

<Nơi liên hệ> Ban chăm sóc trẻ sau giờ học ở trường TEL: 04-7192-8045

Đây là chương trình nhằm cung cấp cho tất cả học sinh tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 6) có nguyện vọng tham gia, không phụ thuộc vào tình trạng việc làm của phụ huynh, một môi trường an toàn để sinh hoạt sau giờ học, đồng thời tạo cơ hội trải nghiệm đa dạng và hỗ trợ sự phát triển lành mạnh của trẻ. Từ năm 2026, chương trình sẽ được triển khai tại 20 trường trong thành phố Kashiwa. 22 trường còn lại sẽ lần lượt chuyển sang áp dụng chương trình này trong thời gian tới. Để biết thêm về nội dung chương trình và cách đăng ký sử dụng, vui lòng liên hệ với phòng Afterschool.

5-5 ふくし 福祉

(1) 生活保護 せいかつ ほご <お問い合わせ先>生活支援課 とあ さき せいかつ しえん か TEL 04-7167-1138

生活保護は、生活に困っている世帯に対し、その困っている程度に応じて国が定めた基準に基づき、生活費などの保護金品の給付を行い、その家庭の最低限度の生活を保障するとともに生活に困っているかたが、一日でも早く自分たちの力で生活できるように支援する制度です。生活保護が受けられるかどうかはそれぞれの世帯の状況により異なります。生活保護については、生活支援課へお越しいただくか電話でご相談ください。

(2) 介護保険 かいご ほけん <お問い合わせ先>高齢者支援課 とあ さき こうれいしゃしえん か TEL 04-7167-1022

高齢者の介護を社会全体で支える制度です。介護が必要な状態となったときに、要介護認定を受ければ、介護サービス費の1割・2割または3割の自己負担で、介護サービスを受けることができます。

住民登録をしている65歳以上のかたと、40～64歳のかたで医療保険に加入しているかたが加入者になります。65歳以上のかたは全員に、40～64歳のかたは申請された場合に、介護保険証を交付します。

【こんなときは届け出が必要です】

次のような場合は、14日以内に必ず高齢者支援課、または沼南支所福祉係、各出張所、柏駅前行政サービスセンターへ届け出てください。

【介護保険の届け出一覧】

- ①死亡したとき（介護保険証を持ってきてください）
- ②住所や氏名が変わったとき（介護保険証を持ってきてください）
- ③他市区町村で要介護認定を受け、転入したとき（受給資格証明書を持ってきてください）
- ④他市町村へ転出するとき（介護保険証を持ってきてください）

【介護保険サービスの内容】

訪問介護、訪問入浴介護、訪問看護、訪問リハビリテーション、通所介護、通所リハビリテーションなどがあります。

5 - 5 Phúc lợi

Hỗ trợ đời sống

<Nơi liên hệ> Ban hỗ trợ sinh hoạt TEL: 04-7167-1138

Hỗ trợ đời sống là chế độ hỗ trợ dành cho các hộ gia đình đang gặp khó khăn, thông qua việc trợ cấp hàng hóa và các khoản phí, v.v... tương ứng với mức độ khó khăn của các hộ gia đình dựa theo tiêu chuẩn do nhà nước quy định, đồng thời đảm bảo sinh hoạt khỏe mạnh ở mức tối thiểu cho các hộ gia đình này cũng như hỗ trợ để những người gặp khó khăn trong sinh hoạt có thể sinh hoạt tự lập nhanh nhất có thể. Điều kiện nhận hỗ trợ sinh hoạt sẽ khác nhau tùy vào tình trạng của từng hộ gia đình. Vui lòng liên hệ trực tiếp qua điện thoại hoặc đến Ban hỗ trợ sinh hoạt sống để được tư vấn về hỗ trợ đời sống.

(2) Bảo hiểm chăm sóc

<Nơi liên hệ> Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi TEL: 04-7167-1022

Đây là chế độ hỗ trợ chăm sóc cho người cao tuổi trong toàn xã hội. Khi người cao tuổi đang trong tình trạng cần chăm sóc và được chứng nhận là người cần chăm sóc, sẽ nhận được dịch vụ chăm sóc với chi phí tự thanh toán là 10%, 20% hoặc 30% chi phí dịch vụ chăm sóc dưỡng lão.

Những người đang cư trú tại thành phố, từ 65 tuổi trở lên, hoặc từ 40 ~ 64 tuổi và những người đang tham gia bảo hiểm y tế sẽ thuộc đối tượng nhận hỗ trợ. Tất cả những người từ 65 tuổi trở lên và những người từ 40 ~ 64 tuổi đã gửi đơn đăng ký sẽ được cấp thẻ bảo hiểm chăm sóc.

[Cần thông báo trong các trường hợp sau]

Vui lòng thông báo đến Bộ phận hỗ trợ người cao tuổi, hoặc Bộ phận phúc lợi chi nhánh Shonan, các văn phòng chi nhánh hoặc Trung tâm dịch vụ hành chính Kashiwa Ekimae trong vòng 14 ngày đối với các trường hợp sau đây.

[Danh sách thông báo của bảo hiểm chăm sóc]

- ① Khi người nhận bảo hiểm qua đời (Vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm chăm sóc)
- ② Khi thay đổi địa chỉ và họ tên của người nhận bảo hiểm (Vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm chăm sóc)
- ③ Khi chuyển đến thành phố, thị trấn và làng xã khác và cần nhận chứng nhận cần chăm sóc (Vui lòng mang theo giấy chứng nhận tư cách nhận bảo hiểm)
- ④ Khi chuyển đi đến các thành phố, thị trấn và làng xã khác (Vui lòng mang theo thẻ bảo hiểm chăm sóc)

[Nội dung của dịch vụ bảo hiểm chăm sóc]

Bao gồm chăm sóc tại nhà, chăm sóc tắm rửa tại nhà, điều dưỡng tại nhà, phục hồi chức năng tại nhà, chăm sóc ngoại trú, phục hồi chức năng ngoại trú, v.v...

ようかい ご にんてい ひつよう
【要介護認定に必要なもの】

＜65 歳以上のかた＞

- ①要介護（要支援）認定申請書
- ②介護保険被保険者証

＜40 歳以上 65 歳未満のかた＞

※加齢に伴う疾病(特定疾病)で介護が必要なかたに限ります。

- ①要介護（要支援）認定申請書
- ②資格確認書

※認定申請の際は、主治医の名前、医療機関名が必要になります。

[Các giấy tờ cần thiết để được chứng nhận cần chăm sóc]

<Những người từ 65 tuổi trở lên>

- ① Đơn yêu cầu chứng nhận cần chăm sóc (cần hỗ trợ)
- ② Thẻ chứng nhận người được bảo hiểm chăm sóc

<Những người từ 40 đến dưới 65 tuổi>

*Chỉ dành cho những người cần chăm sóc do bệnh tật khi tuổi tác gia tăng (bệnh đặc thù)

- ① Đơn yêu cầu chứng nhận cần chăm sóc (cần hỗ trợ)
- ② Giấy xác nhận đủ điều kiện

* Cần cung cấp họ tên bác sĩ điều trị chính và tên cơ sở y tế khi yêu cầu chứng nhận.